TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 55/2018/DS-PT
Ngày 13 – 11 – 2018
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền đất, yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Hồng;

Các Thẩm phán: Ông Vi Đức Trí;

Ông Lộc Sơn Thái.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Hồng Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Mông Thị Mai Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 33/2018/TLPT-DS ngày 05 tháng 10 năm 2018 về tranh chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền đất, yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất;

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2018/DS-ST ngày 31 tháng 8 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 58/2018/QĐPT-DS ngày 25 tháng 10 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 68/2018/QĐ-PT ngày 09/11/2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lâm Thị M. Địa chỉ: Thôn N, xã C, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Dương Văn H. Địa chỉ: Thôn N, xã C, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà Lê Thị A, Luật sư cộng tác viên Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Ủy ban nhân dân (UBND) huyện L, tỉnh Lạng Sơn, người đại diện theo ủy quyền ông Hoàng Đình H1 - Phó trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện L, tỉnh Lạng Sơn (văn bản ủy quyền ngày 31/5/2018), vắng mặt.

2. Anh Dương Văn X. Địa chỉ: Thôn N, xã C, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

3. Bà Vi Thị M1, địa chỉ: Thôn N, xã C, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

4. Chị Vy Thị C1, địa chỉ: Thôn N, xã C, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Ông Dương Văn E. Địa chỉ: Thôn N, xã C, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

2. Anh Dương Văn U. Địa chỉ: Thôn N, xã C, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

3. Anh Dương Văn S. Địa chỉ: Thôn N, xã C, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

4. Anh Dương Văn C2. Địa chỉ: Thôn N, xã C, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

- *Người kháng cáo:* Anh Dương Văn H – Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 24/5/2018 có mặt các đương sự xác định được, bà Lâm Thị M và anh Dương Văn H tranh chấp diện tích đất 3.040m^2 thuộc địa danh K, thôn N, xã C thuộc một phần diện tích thửa đất số 154, tờ bản đồ số 1, bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã C, huyện L, diện tích đất tranh chấp bà Lâm Thị M đã được UBND huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 5528** cấp ngày 06/5/2011 thửa số 154 diện tích 15.270m^2, trên đất diện tích đất tranh chấp có 01 cây thông còn hiện trạng là cây bụi, đất tranh chấp có các phía tiếp giáp như sau:

Đông tiếp giáp đất ruộng ông Dương Văn S;

Tây tiếp giáp với đất rừng bà Lâm Thị M;

Phía Nam tiếp giáp với đất rừng anh Dương Văn H;

Bắc tiếp giáp với đất rằng bà Lâm Thị M;

Tài sản trên đất tranh chấp gồm có 01 cây thông đường kính 30cm;

Kết quả định giá đất tranh chấp là 5.000đ/m^2 = 15.200.000đ (mười lăm triệu hai trăm nghìn đồng); giá trị cây thông là 250.000đ (hai trăm năm mươi nghìn đồng).

Theo bà Lâm Thị M, nguồn gốc thửa đất năm 1996 bà Lâm Thị M và ông Dương Văn E (chồng bà) mua với ông Dương Văn L1 ở cùng thôn N, xã C cả nhà và khu đất rừng với số tiền là 2.000.000 đồng. Sau khi mua ông Dương Văn

E đã cho bà quản lý và sử dụng từ đó đến năm 2011 thì được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích là 15.270m^2. Đến năm 2017, anh Dương Văn H người cùng thôn đến tranh chấp, bà không đồng ý vì diện tích này bà đã quản lý, sử dụng ổn định từ năm 1996 đến nay không có tranh chấp.

Về phía bị đơn anh Dương Văn H cho rằng diện tích đất đang tranh chấp có nguồn gốc là của ông cha để lại cho bố mẹ anh quản lý từ năm 1970 đến nay. Năm 1996, ông Dương Văn L1 có một mảnh đất rừng giáp danh với thửa đất của nhà anh và ông L1 đã bán khu đất của ông L1 cho ông Dương Văn E, khi trao đổi mua bán các ông chỉ trao đổi bằng miệng, không có giấy tờ gì. Anh Dương Văn H cho rằng căn cứ vào lời khai của ông Dương Văn E là chồng cũ của bà Lâm Thị M nói lại khi mua đất rừng với ông Dương Văn L1 thì ranh giới đất giữa gia đình anh và gia đình ông L1 là từ gốc cây thông hướng về phía thửa đất số 155 (là thửa đất liền kề đất tranh chấp gia đình anh đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) là của gia đình anh. Còn từ gốc cây thông hướng về thửa đất 154 mới là đất của gia đình ông L1 đã bán cho ông E. Vì vậy anh Dương Văn H yêu cầu được quản lý sử dụng diện tích đất tranh chấp là 3.040m^2 và 01 cây thông trên diện tích đất tranh chấp.

Đại diện của Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn, ông Hoàng Đình H1 khẳng định: Căn cứ hồ sơ địa chính lưu tại Ủy ban nhân dân huyện L thì việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Lâm Thị M tại thửa đất số 154 và hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ anh Dương Văn H tại thửa đất số 155, tờ bản đồ địa chính số 01, bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã C là cấp đúng trình tự, thủ tục và đối tượng được cấp theo quy định của Luật Đất đai, trong quá trình lập hồ sơ, đo đạc địa chính không có đương sự nào có đơn khiếu nại về việc lập hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Với nội dung vụ án như trên, tại bản án dân sự sơ thẩm số 02/2018/DS-ST ngày 31/8/2018, Tòa án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn đã xử:

Căn cứ vào các Điều 104, 105; khoản 1, 5 Điều 166; khoản 1 Điều 203 của Luật Đất đai. Các Điều 158, 159, 160, 161, 163, 164; khoản 2 Điều 155, Điều 169; Điều 222; khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2, 9 Điều 26; Điều 34; Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1, 2 Điều 26; điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Thị M. Giao diện tích 3.040m^2 đất tranh chấp và quyền sở hữu 01 cây thông trên đất thuộc thửa đất số 154, tờ bản đồ số 01, bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã C, huyện L, tỉnh Lạng Sơn có các phía tiếp giáp như sau: Phía Đông tiếp giáp đất ruộng ông Dương Văn S. Phía Tây tiếp giáp với đất rừng bà Lâm Thị M. Phía Nam tiếp giáp với đất rừng anh Dương Văn H. Phía Bắc tiếp giáp với đất bà Lâm Thị M cho bà Lâm Thị M quản lý sử dụng.

2. Không chấp nhận yêu cầu của bị đơn anh Dương Văn H đòi được quản lý sử dụng diện tích 3.040m^2 đất tranh chấp và sở hữu 01 cây thông có đường kính 30cm trên diện tích đất tranh chấp tại đồi K, thôn N, xã C, huyện L, tỉnh Lạng Sơn và yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 154, tờ bản đồ số 01, bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã C, huyện L, tỉnh Lạng Sơn.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về lãi xuất chậm trả, án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự.

Không nhất trí với quyết định của bản án, trong thời hạn luật định ngày 13/9/2018 anh Dương Văn H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án với lý do: Không đồng ý với quyết đinh của Tòa án cấp sơ thẩm. Anh Dương Văn H yêu cầu được quản lý sử dụng diện tích 3.040m^2 đất tranh chấp và sở hữu 01 cây thông có trên diện tích đất tranh chấp yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 154, tờ bản đồ số 01, bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã C, huyện L, tỉnh Lạng Sơn mang tên bà Lâm Thị M.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn anh Dương Văn H giữ nguyên nội dung kháng cáo. Anh cho rằng diện tích đất này gia đình đã quản lý sử dụng từ năm 1970 hình thức quản lý sử dụng là trồng lúa nương, ngô, khoai, sắn, có một thời gian bỏ nhưng sau đó lại làm. Ranh giới giữa đất gia đình anh quản lý là từ cây thông to hiện có trên đất trở về phía thửa đất số 155 của gia đình anh.

Bà Lâm Thị M đề nghị giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm, bà cho rằng sau khi mua với gia đình ông Dương Văn L1 thì bà đã quản lý trồng sắn, và năm 2011 bà trồng thông, gia đình anh Dương Văn H nhổ đi bà báo thôn nhưng thôn không hòa giải, đến năm 2017 anh H lại tiếp tục đến tranh chấp.

Các nhân chứng ông Dương Văn E tại phiên tòa xác nhận thời điểm ông nhận chuyển nhượng nhà và đất với ông Dương Văn L1 trên đất không có cây thông.

Các nhân chứng anh Dương Văn U, anh Dương Văn S, anh Dương Văn C2 đều cho rằng trước đó thấy gia đình anh Dương văn H quản lý sử dụng diện tích đất trên.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh Dương Văn H: Trong hồ sơ đăng ký quyền sử dụng đất thì tình trạng thửa đất 154 khi giao là đất khoanh nuôi, đất nhà anh H là đất rừng trồng do con người trồng. Ông E tại phiên tòa thừa nhận khi mua đất không có cây thông và bản thân cũng không đưa ra được ranh giới giữa đất ông L1 đã chuyển nhượng cho ông và đất nhà anh H. Sau khi nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) do trình độ nhận thức pháp luật nên anh H không biết phần diện tích đất gia đình mình được canh tác sử dụng lại nằm trong thửa đất của bà M. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo của anh H.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý và giải quyết tại cấp phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành và thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật về tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Trong vụ án các nhân chứng do anh Dương Văn H yêu cầu đưa tham gia tố tụng đều là người có mối quan hệ họ hàng với anh H nên sẽ không đảm bảo tính khách quan. Đất tranh chấp có nguồn gốc do bà Lâm Thị M và ông Dương Văn E cùng mua với ông Dương Văn L1 năm 1996, sau khi mua bà M quản lý sử dụng ổn định, năm 2008 bà M kê khai xin cấp quyền sử dụng đất đối với diện tích nhận chuyển nhượng với ông L1 và đã được UBND huyện L cấp quyền sử dụng đất đối với toàn bộ diện tích đất nêu trên. Diện tích đất tranh chấp thuộc một phần diện tích bà nhận chuyển nhượng với ông L1 và có tiếp giáp với thửa đất 155 của gia đình anh H. Anh H cho rằng đất tranh chấp anh quản lý từ năm 1970, tuy nhiên năm 2008 khi kê khai cấp quyền sử dụng đất thửa 155 anh H là người trực tiếp kê khai, và được giáp ranh với thửa đất 154 của bà Lâm Thị M, quá trình kê khai hai bên không có khiếu nại, không kê khai trùng. Tại cấp phúc thẩm anh H có cung cấp hồ sơ giao đất giao rừng (sổ bìa xanh) do UBND huyện L, tỉnh Lạng Sơn cấp ngày 01/5/1996 diện tích 02 ha khoảnh 57 trạng thái rừng đồi trọc cho anh Dương Văn S. Tuy nhiên với tài liệu anh H cung cấp cũng không có cơ sở xác định diện tích trong sổ bìa xanh của anh S là diện tích thuộc thửa 154 mà UBND huyện đã cấp quyền sử dụng đất cho bà Lâm Thị M. Vì vậy kháng cáo của anh Dương Văn H không có cơ sở chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét kháng cáo của anh Dương Văn H và lý do anh yêu cầu được quản lý, sử dụng 3.040m^2 đất tranh chấp và sở hữu tài sản trên đất gồm 01 cây thông và hủy phần diện tích 3.040m^2 trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 154, tờ bản đồ số 01, bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã C, huyện L, tỉnh Lạng Sơn mà UBND huyện L đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Lâm Thị M, Hội đồng xét xử thấy: Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 24/5/2018 có mặt các đương sự, xác định được trên đất không có tài sản ngoài cây thông to đã có từ trước năm 1996, tình trạng đất là đất trống, đồi trọc chưa có tác động của con người. Theo các đương sự trình bày thì việc tranh chấp đã xảy ra từ năm 2011 nhưng các đương sự chưa có yêu cầu chính quyền địa phương can thiệp giải quyết. Chỉ đến năm 2017 bà Lâm Thị M sau khi đi trồng cây thông thì gia đình anh H đến nhổ đi thì bà mới yêu cầu xã can thiệp. Vì vậy ý kiến của anh H cho rằng gia đình đã có quá trình quan lý, sử dụng ổn định diện tích đất này từ năm 1970 là không có căn cứ.

[2] Anh Dương Văn H cho rằng ranh giới đất của gia đình anh theo lời ông Dương Văn E (chồng bà M) là người mua đất với ông Dương Văn L1 chủ cũ của thửa đất 154 thì ranh giới đất giữa gia đình anh và gia đình bà M là từ cây

thông có trên đất hướng về phía thửa 155 của gia đình anh, nên diện tích đất đang tranh chấp thuộc đất của gia đình anh. Tuy nhiên tại lời khai ông Dương Văn E ngày 22/6/2018 và tại phiên tòa hôm nay ông xác định thời điểm nhận chuyển nhượng với ông L1 không đi cắm mốc cụ thể và không làm giấy tờ nên không biết ranh giới đất giữa ông H và bà M, thời điểm ông mua cũng chưa có cây thông trên đất.

[3] Hội đồng xét xử thấy, năm 1996 Nhà nước chưa giao quyền sử dụng đất cho ông Dương Văn L1, việc mua bán chuyển nhượng giữa ông Dương Văn E và ông Dương Văn L1 do các bên tự nhận chuyển nhượng, không có giấy tờ xác định ranh giới, ý kiến của ông Dương Văn E cho rằng diện tích đất đang tranh chấp thuộc đất của gia đình anh Dương Văn H là không có cơ sở, mặt khác sau khi nhận chuyển nhượng các bên sử dụng ổn định, năm 2008 anh Dương Văn H làm đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 155, bà Lâm Thị M làm đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 154 địa danh K, xã C, huyện L, hai thửa đất nêu trên có một phần đất tiếp giáp nhau. Khi thực hiện việc kê khai, anh H và bà M đều đã được ký biên bản xác nhận ranh giới, mốc giới thửa đất và được nhận biết trích lục hình thể thửa đất, như vậy bản thân anh Dương Văn H khi làm đơn kê khai xin cấp quyền sử dụng đất cũng đã xác định được ranh giới tiếp giáp và hình thể của thửa đất 154 của bà Lâm Thị M, thửa 155 của gia đình anh, thời điểm kê khai xin cấp các bên không có tranh chấp, trong quá trình kê khai hai bên không có khiếu nại, như vậy việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của UBND huyện L thửa 154 tờ bản đồ số 01 bản đồ địa chính xã C cho bà Lâm Thị M là đúng trình tự thủ tục, đúng đối tượng theo quy định tại khoản 3 Điều 50 Luật Đất đai năm 2003. Vì vậy bản án sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Thị M là có căn cứ. Do đó kháng cáo của anh Dương Văn H không có cơ sở chấp nhận.

[4] Về lời khai của người làm chứng: Những người làm chứng ông Dương Văn E, anh Dương Văn C2, anh Dương Văn S do anh H đề nghị đưa tham gia tố tụng, tại phiên tòa xác định được đều là người trong họ của anh H, anh S là anh trai của anh H, vì vậy lời khai của nhân chứng trong trường hợp này không đảm bảo tính khách quan khi giải quyết vụ án. Nhận định này cũng phù hợp với ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[5] Do kháng cáo của anh Dương Văn H không được chấp nhận nên anh H phải chịu án phí phúc thẩm dân sự.

[6] Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo và không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự:

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Dương Văn H;

Căn cứ vào các Điều 101, 105; khoản 1, 5 Điều 166; khoản 1 Điều 203 của Luật Đất đai năm 2013. Khoản 2 Điều 164; Điều 169; khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 148; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 158 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1, 2 Điều 26; điểm a khoản 2 Điều 27; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2018/DS-ST ngày 31 tháng 8 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn, cụ thể như sau:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Thị M.

1. Bà Lâm Thị M được quyền quản lý, sử dụng 3.040m^2 diện tích đất tranh chấp thuộc một phần thửa đất số 154, tờ bản đồ số 01, bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã C, huyện L, tỉnh Lạng Sơn diện tích 15.270m^2 mà UBND huyện L đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 5528** ngày 06/5/2011 cho bà Lâm Thị M, và sở hữu 01 cây thông đường kính 30cm có trên đất. Đất có các phía tiếp giáp như sau:

Đông tiếp giáp đất ruộng ông Dương Văn S có chiều dài cạnh là 25,96m;

Tây tiếp giáp với đất rừng bà Lâm Thị M có chiều dài cạnh là 69,38m;

Nam tiếp giáp với đất rừng anh Dương Văn H có chiều dài cạnh 83,34m;

Bắc tiếp giáp với đất rừng bà Lâm Thị M có chiều dài cạnh 44,96m và sở hữu tài sản có trên đất gồm 01 cây thông đướng kính 30cm.

(Có sơ họa kèm theo bút lục 70).

2. Không chấp nhận yêu cầu của anh Dương Văn H đòi hủy phần diện tích đất tranh chấp 3.040m^2 thuộc một phần diện tích thửa đất 154, tờ bản đồ số 01, bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã C, huyện L, tỉnh Lạng Sơn trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 5528** mà UBND huyện L, tỉnh Lạng Sơn đã cấp cho bà Lâm Thị M ngày 06/5/2011.

3. Về chi phí tố tụng: Anh Dương Văn H phải chịu số tiền 4.840.000 đồng (bốn triệu tám trăm bốn mươi nghìn đồng) tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, bà Lâm Thị M đã nộp 4.840.000 đồng (bốn triệu tám trăm bốn mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, anh Dương Văn H có trách nhiệm hoàn trả cho bà Lâm Thị M số tiền 4.840.000 đồng (bốn triệu tám trăm bốn mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bà Lâm Thị M có đơn yêu cầu thi hành, nếu anh Dương Văn H chậm trả thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán theo mức lãi xuất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

4. Về án phí: Anh Dương Văn H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí phúc thẩm dân sự sung công quỹ Nhà nước, được trừ vào 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai

thu tiền tạm ứng án phí số AA/2015/00036** ngày 25/9/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án (13/11/2018).

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- TAND h. Chi Lăng, t. Lạng Sơn;
- CCTHADS h. L, t. Lạng Sơn
- Các đương sự;
- Người bvqlhp của đương sự;
- HCTP, KTNV&THA;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Tòa DS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Thị Hồng